

3. Đẩy mạnh hơn nữa giáo dục lao động, thực hành kỹ thuật nghiên cứu các đề tài kỹ thuật phục vụ cho sản xuất địa phương và tiến hành sản xuất ra của cải vật chất để tự túc học tập và đóng góp cho xã hội, gia đình.

Phải làm cho học sinh hiểu và áp dụng được những biện pháp kỹ thuật đã học trong nhà trường, có ý thức luôn luôn tìm tòi nghiên cứu khoa học, biết đem những kiến thức học được giải thích vận động nhân dân thực hiện đồng thời bản thân áp dụng trong lao động sản xuất ra của cải vật chất để tự túc và đóng góp cho xã hội. Những nơi có khả năng khai hoang, tập thể nhà trường phải tiến tới tự túc góp phần tăng thu hoạch cho gia đình. Nơi nào không có khả năng thì sản xuất nhà trường chủ yếu là phục vụ cho sản xuất của hợp tác.

Muốn vậy các buổi thực hành phải tổ chức cho chu đáo, phải tổ chức học sinh thành các tổ nghiên cứu có tinh thần dám nghĩ, dám làm. Các đề tài nghiên cứu phải phục vụ cho sản xuất của địa phương trường đóng. Phải làm cho học sinh gắn liền với sản xuất ở địa phương, tổ chức cho học sinh lao động trong hợp tác xã, như một đơn vị sản xuất của hợp tác xã, lấy công điền để tự túc. Những nơi có điều kiện thì tập trung học sinh khai hoang để sản xuất tự túc. Mức độ tự túc có thể từ thấp đến cao nhưng luôn luôn có ý chí phấn đấu vươn lên tự túc hoàn toàn.

4. Xây dựng cơ sở vật chất phù hợp với tình chất trường:

Các trường phổ thông công nông nghiệp, ngoài trường sở, bàn ghế cần thiết phải có một cơ sở vật chất phù hợp với tình chất trường. Các trường phổ thông công nghiệp phải có xưởng trường thiết bị cho việc học nghề của trường. Các trường phổ thông nông nghiệp phải có vườn thực nghiệm, dụng cụ thí nghiệm, phòng thí nghiệm, phải tổ chức như một trường chuyên nghiệp, phục vụ cho việc học văn hóa cũng như học nghề. Phải chú ý bảo quản tài sản của trường và nhất là bảo quản sản phẩm sản xuất.

Muốn vậy, phải làm cho mọi người thấy rõ cơ sở vật chất tốt có tác dụng quyết định đến việc nâng cao chất lượng học tập. Phải chú ý làm các giáo cụ. Có thể tổ chức những tổ làm giáo cụ. Phải dựa vào nhân dân và nhất là hợp tác xã địa phương trong việc xây dựng cơ sở vật chất và bảo quản sản phẩm sản xuất. Phải nâng cao tinh thần tự lực cánh sinh xây dựng nhà trường của giáo viên và học sinh.

5. Củng cố mối quan hệ với các cơ sở sản xuất:

Trong quan hệ hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, phải làm cho học sinh hiểu rõ về mọi hoạt động của cơ sở sản xuất của hợp tác xã. Phải tăng cường mối quan hệ giữa các trường phổ thông nông nghiệp với các cơ sở sản xuất, muốn vậy trong phong trào

kết nghĩa phải có quy ước định nhiệm vụ của hai bên. Không phải nhà trường chỉ dựa vào các cơ sở sản xuất mà nhà trường phải cùng với cơ sở sản xuất nghiên cứu các vấn đề khó khăn về kỹ thuật sản xuất, giúp giải quyết các khó khăn đó. Phải làm thế nào cho nhà trường có tác dụng tích cực đến việc đẩy mạnh năng suất sản xuất của cơ sở kết nghĩa: và chỉ có làm như vậy mới có thể tiến hành việc giáo dục của nhà trường đạt được kết quả tốt.

6. Đẩy mạnh các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, vệ sinh phòng bệnh:

Các hoạt động này phải nhằm phục vụ cho học tập văn hóa, kỹ thuật và lao động sản xuất được tốt. Phải có tác dụng lôi cuốn nhân dân địa phương cùng tham gia, gây phong trào nếp sống văn minh ở địa phương. Vấn đề bảo vệ sức khỏe không những nhằm để học tập và sản xuất tốt mà còn để thanh gia bảo vệ quốc phòng. Học sinh các trường phổ thông có học nghề nói chung lớn tuổi, đã đến tuổi phải đi nghĩa vụ quân sự.

Để thực hiện nhiệm vụ này cần có hoạt động văn nghệ thường xuyên. Nên phát triển các hình thức văn nghệ dân tộc. Phải giữ vững tập thể dục thường xuyên và có thi giờ hoạt động thể thao. Phải có hồ trí tập dượt thể thao quốc phòng. Trong lao động phải chú ý bảo vệ an toàn lao động nhất là đối với các trường phổ thông công nghiệp phải vào nhà máy thực tập.

7. Tham gia giảng dạy bổ túc văn hóa:

Qua giảng dạy bổ túc văn hóa học sinh sẽ gắn liền hơn với đời sống địa phương và sẽ cùng có thêm kiến thức văn hóa đã học. Đây là một nhiệm vụ cần thiết của người thanh niên đã được may mắn có kiến thức văn hóa hơn người khác để góp phần thực hiện cách mạng văn hóa, phổ cập giáo dục, đẩy mạnh sản xuất công, nông nghiệp lên nữa.

Để thực hiện đầy nhiệm vụ trên, ở đây chỉ hướng dẫn yêu cầu và biện pháp riêng của các trường phổ thông có học nghề. Các yêu cầu và biện pháp khác như của các trường phổ thông cũng cần nghiên cứu thực hiện tốt.

Hà-nội, ngày 2 tháng 8 năm 1962

Bộ trưởng Bộ Giáo dục

NGUYỄN VĂN HUYỀN

THÔNG TƯ số 41-TTGD ngày 6-9-1962
hướng dẫn việc công nhận giáo viên chưa
toàn cấp lên toàn cấp.

Tại thông tư số 3437-PCB ngày 24-9-1956 Bộ đã quy định tiêu chuẩn và thể thức công nhận giáo viên lên dạy cấp trên. Đến nay nhiều giáo viên qua

quá trình giảng dạy tốt đã được công nhận giáo viên toàn cấp. Nhưng do yêu cầu phát triển các cấp học phổ thông ngày càng lớn, khả năng đào tạo của các trường sư phạm có hạn, các địa phương đã tiếp tục đề bạt khá đông giáo viên lên dạy kể cấp trên và hiện nay một số lớn giáo viên chưa được xét công nhận toàn cấp.

Thực hiện chủ chương không ngừng nâng cao chất lượng của ngành, Bộ quy định thống nhất các tiêu chuẩn công nhận giáo viên lên dạy cấp trên và thể thức tiến hành như sau :

I. ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN :

1. Giáo viên cấp I toàn cấp :

Đã học hết chương trình lớp 7 phổ thông hay bổ túc văn hóa và đã tốt nghiệp, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận.

Đã dạy lớp 3, 4 được ba năm trong đó có dạy lớp 4 ít nhất một năm. Nếu đã dạy lớp 1, 2 từ hai năm trở lên, sau đó đưa lên dạy 3, 4 thì thời gian dạy 3, 4 phải được hai năm trong đó có dạy lớp 4 ít nhất một năm.

2. Giáo viên cấp II toàn cấp :

Đã tốt nghiệp lớp 10 phổ thông, hoặc tốt nghiệp lớp 9 phổ thông theo hệ thống 9 năm. Nếu học Bổ túc văn hóa thì phải tốt nghiệp lớp 10 phần khoa học xã hội đối với giáo viên dạy xã hội hoặc khoa học tự nhiên đối với giáo viên dạy tự nhiên.

Đã dạy cấp II ít nhất được hai năm, trong đó ít nhất có một năm dạy đến lớp 7.

Riêng đối với giáo viên tốt nghiệp lớp Sư phạm trung cấp một năm (năm học 1959 — 1960) điều kiện để xét là phải qua lớp bồi dưỡng hệ đạt yêu cầu và dạy cấp II được hai năm.

Đối với giáo viên cấp II tốt nghiệp Sư phạm trung cấp hàm thụ điều kiện để xét công nhận là đã dạy hai năm ở cấp II.

3. Giáo viên cấp III toàn cấp :

Đã tốt nghiệp đại học sư phạm hàm thụ và đã dạy cấp III hai năm.

Riêng đối với giáo viên có bằng tú tài toàn phần, bằng cử nhân, đã ở trong ngành lâu từ thâm niên ba trở nên, đã dạy hai năm ở cấp III cũng được xét công nhận (thâm niên tính đến ngày 1-5-1960)

II. TỒ CHỨC CÔNG NHẬN GIÁO VIÊN TOÀN CẤP :

Đối với việc công nhận giáo viên cấp I toàn cấp :

Ở mỗi huyện sẽ thành lập một hội đồng gồm trưởng hoặc phó phòng giáo dục huyện một hay hai giáo viên trường sư phạm cấp I, Hiệu trưởng cấp I hoặc một hay hai giáo viên phổ thông cấp I toàn cấp chọn trong số giáo viên dạy giỏi và có nhiều

kinh nghiệm trong huyện, một đại diện Công đoàn giáo dục huyện.

Hội đồng này sẽ do Ty cử và được Ủy ban hành chính tỉnh duyệt.

Hội đồng sẽ căn cứ vào nhận xét của Hội đồng nhà trường, vào kết quả giảng dạy qua các hồ sơ đi kiểm tra của huyện, của Ty mà xét công nhận.

Nếu không có hồ sơ Hội đồng sẽ không xét.

Biên bản của Hội đồng gửi về Ty để xét và trình Ủy ban hành chính tỉnh duyệt và ra quyết định công nhận.

Đối với việc công nhận giáo viên cấp II và cấp III toàn cấp :

Ở mỗi khu, thành, tỉnh sẽ thành lập một Hội đồng gồm chánh hoặc phó Giám đốc Sở, trưởng hoặc phó Ty, đại diện Công đoàn giáo dục khu, thành, tỉnh, Hiệu trưởng, Hiệu phó hoặc giáo viên trường sư phạm cấp II giỏi về chuyên môn, Hiệu trưởng, hiệu phó trường phổ thông cấp II, III hoặc giáo viên phổ thông cấp II, III toàn cấp (tùy đối tượng xét công nhận) dạy giỏi và có nhiều kinh nghiệm.

Hội đồng này do Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh chỉ định.

Riêng khu Tự trị Việt Bắc, việc công nhận giáo viên cấp III sẽ do Hội đồng ở khu xét, việc công nhận giáo viên cấp II sẽ do Hội đồng tỉnh xét.

Hội đồng sẽ căn cứ vào nhận xét của Hội đồng nhà trường, vào kết quả giảng dạy qua các hồ sơ đi kiểm tra của Ty mà xét công nhận. Không có hồ sơ Hội đồng sẽ không xét.

Biên bản của Hội đồng sẽ trình Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh duyệt và ra quyết định công nhận.

Đối với giáo viên cấp I tốt nghiệp hàm thụ sư phạm trung cấp hay cấp II tốt nghiệp hàm thụ đại học sư phạm, vẫn tiếp tục dạy ở cấp mình đang dạy thì chưa xét công nhận giáo viên toàn cấp của cấp trên. Đứng về chính sách lương đối với các giáo viên này, Bộ sẽ có quy định sau. Giáo viên chưa toàn cấp được điều động về công tác ở phòng huyện, Ty, Sở hay Bộ, đủ điều kiện về văn hóa và thâm niên đã nêu trên cũng không xét công nhận là giáo viên toàn cấp vì thực tế anh chị em không tham gia giảng dạy, nhưng về quyền lợi vật chất sẽ được xét để xếp vào một mức lương của cán bộ nghiên cứu tương đương với giáo viên toàn cấp nếu có khả năng.

Đối với giáo viên và cán bộ công tác ở phòng huyện, Ty, Sở hay Bộ tốt nghiệp hàm thụ sư phạm trung cấp và đại học sư phạm cũng không xét công nhận giáo viên toàn cấp. Sau khi tốt nghiệp, qua một thời gian công tác, nếu xét có nhiều tiến bộ, có khả năng đảm nhận nhiệm vụ cao hơn thì thủ trưởng cơ quan có thể giao nhiệm vụ mới và trên cơ sở ấy sẽ xét để xếp lại lương cho thỏa đáng.

Nếu được điều động về trường làm giáo viên thì sẽ theo sự phân công và khả năng giảng dạy mà xét công nhận.

Quyền lợi sau khi được công nhận: Kể từ ngày được chính thức công nhận là giáo viên toàn cấp.

Thông tư này bắt đầu thi hành từ niên khóa 1962—1963 và áp dụng cho cả giáo viên quốc lập và dân lập.

Hà-nội, ngày 6 tháng 9 năm 1962

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN VĂN HUYỀN

QUYẾT ĐỊNH số 708-QĐ ngày 10-9-1962
về việc bãi bỏ khoản phụ cấp 10% của
các loại giáo viên cấp II và cấp III chưa
toàn cấp.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ ngày 26-27 tháng 4-1960 về chủ trương cải tiến và tăng lương năm 1960.

Căn cứ Nghị định số 25-CP ngày 5-7-1960 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chế độ lương thuộc khu vực hành chính sự nghiệp,

Căn cứ vào quyết định 273-QĐ ngày 11-7-1960 của Bộ giáo dục ban hành bảng lương chức vụ và mức lương các loại giáo viên chưa toàn cấp,

Sau khi được Bộ Nội vụ thỏa thuận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.— Nay bãi bỏ khoản phụ cấp 10% của các loại giáo viên cấp II và cấp III chưa toàn cấp đã quy định tại điều 2 quyết định số 273-QĐ ngày 11-7-1960.

Điều 2.— Lương của giáo viên cấp II và cấp III chưa toàn cấp quy định như sau:

Lương của giáo viên cấp II chưa toàn cấp bằng lương của giáo viên cấp I toàn cấp cùng một thâm niên cộng thêm 2đ00,

Lương của giáo viên cấp III chưa toàn cấp bằng lương của giáo viên cấp II toàn cấp cùng một thâm niên cộng thêm 2đ00.

Điều 3.— Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 1-9-1962, Bộ giáo dục sẽ có thông tư hướng dẫn kèm theo. Nhưng giáo viên chưa toàn cấp đã xếp lương trước theo quyết định 273-QĐ ngày 11-7-1960 của Bộ vẫn giữ như cũ, đến khi được công nhận là giáo viên toàn cấp.

Điều 4.— Ủy ban hành chính các cấp, Ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội; ngày 10 tháng 9 năm 1962

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN VĂN HUYỀN

THÔNG TƯ số 4102-CD ngày 18-9-1962
hướng dẫn thi hành quyết định số
708-QĐ ngày 10-9-1962.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Kính gửi: Ủy ban hành chính khu tự trị
Việt Bắc, Thái Mèo,
Thành phố Hà-nội, Hải-phòng
Các tỉnh

Đồng gửi: Các khu, Sở, Ty Giáo dục.

Trong dịp cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương năm 1960 Bộ ban hành quyết định số 273-QĐ ngày 11-7-1960, quy định giáo viên chưa toàn cấp được hưởng mức lương của giáo viên toàn cấp cấp liền dưới cùng một thâm niên thêm 10% lương chính và phụ cấp khu vực.

Qua hai năm áp dụng, tổng kết công tác tiền lương của ngành, Bộ nhận thấy việc quy định trên có nhiều bất hợp lý cần phải sửa đổi ngay để không có chủ trương cải tiến chế độ tiền lương và tăng lương chúng ta khỏi phải bị nhiều vướng mắc.

Cụ thể:

1. Do quy định 10% như trên nên có giáo viên chưa toàn cấp mức lương cao hơn giáo viên toàn cấp cùng một thâm niên.

Vi dụ: Một giáo viên cấp I lương 47đ được đưa lên dạy kể ở cấp II hưởng mức lương 51đ7, trong khi đó một giáo viên khác lương vẫn 47đ được đề bạt đi học sư phạm trung cấp sau hai năm tốt nghiệp về chỉ được xếp ở mức 50đ.

Một giáo viên cấp II lương 78đ dạy kể cấp III hưởng mức lương 85đ8 trong khi đó một giáo viên khác cùng một mức lương được đề bạt đi học đại học sư phạm sau hai năm tốt nghiệp về chỉ được xếp ở mức 85đ.

2. Tình hình trên khuyến khích giáo viên dạy kể đúng lúc chất lượng giảng dạy lại có phần sút kém chủ trương của Bộ hiện nay là không nên đưa giáo viên lên dạy kể ở cấp trên mà các địa phương cần thanh toán dần loại giáo viên chưa toàn cấp.

3. Quan niệm của các địa phương về mức lương của giáo viên chưa toàn cấp chưa thống nhất, thường cho đó là một khoản phụ cấp nên sử dụng chưa đúng.

Vi dụ: Có nơi đưa giáo viên cấp I chưa toàn cấp lên dạy cấp II chưa toàn cấp và cho hưởng thêm 10%. Có nơi đề bạt giáo viên chưa toàn cấp đi học hay đưa về Phòng, Ty công tác lại bỏ 10% vì cho đó là một môn phụ cấp chứ không phải mức lương của giáo viên không toàn cấp.

Tóm lại việc quy định giáo viên chưa toàn cấp hưởng thêm 10% của giáo viên toàn cấp liền dưới là cao nên hiện nay nhiều địa phương chưa xếp được lương cho giáo viên học ở trường chính